

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 317/2025/HC-PT

Ngày: 22/9/2025

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Yên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Minh Anh - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Nguyệt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 959/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2024/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1600/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1976, (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà A, thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (nay là số nhà A, Đ, xã B, tỉnh Lâm Đồng).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Vũ Thành N, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 5 H, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng), (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Huỳnh T - Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư L3, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà C H, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là C H, phường C - Đ, tỉnh Lâm Đồng)

- Bị đơn:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Lâm Đồng).

2. Ủy ban nhân dân xã Đ (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Lâm Đồng).

Địa chỉ: Số B Đ, xã B, tỉnh Lâm Đồng, (xin vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Trung T1, sinh năm 1959, (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà B đường P, Tổ A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (nay là 20 đường P, tổ A, xã D, Lâm Đồng).

2. Bà Sơn Thê L, sinh năm 1959, (vắng mặt);

3. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1958, (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (nay là thôn Đ, xã B, tỉnh Lâm Đồng).

4. Bà Lê Thị S, sinh năm 1952, (có mặt);

5. Ông Lê Văn T2, sinh năm 1991, (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (nay là Thôn Đ, xã B, tỉnh Lâm Đồng).

6. Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1952, (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (nay là Thôn Đ, xã B, tỉnh Lâm Đồng).

7. Bà Nguyễn Thị Lệ T3, sinh năm 1981 (đã chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Lệ T3:

7.1. Ông Nguyễn Phú T4, sinh năm 1958, (vắng mặt);

7.2. Bà Trần Thị C, sinh năm 1957, (vắng mặt);

7.3. Cháu Nguyễn Chiến T5, sinh năm 2007, (vắng mặt);

7.4. Cháu Nguyễn Đình T6, sinh năm 2013, (vắng mặt);

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Chiến T5, cháu Nguyễn Đình T6: Ông Nguyễn Tài T7, sinh năm 1978, (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số nhà E, đường L, tổ A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (nay là E đường L, tổ A, xã D, Lâm Đồng)

8. Ông Nguyễn Tài T7, sinh năm 1978, (vắng mặt);

Địa chỉ: số nhà E, đường L, tổ A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (nay là E đường L, tổ A, xã D, Lâm Đồng)

9. Bà Trần Thị X, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (nay là Thôn Đ, xã B, tỉnh Lâm Đồng), (vắng mặt);

10. Bà Võ Thị Kim L1, sinh năm 1971, (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà A thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (nay là số nhà A thôn Đ, xã B, tỉnh Lâm Đồng).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L1: Luật sư Đinh Văn S2 - Công ty L4 chi nhánh Lâm Đồng, (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà E P, tổ A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (nay là E P, tổ A, xã D, Lâm Đồng)

11. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1949, (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng (nay là Thôn Đ, xã B, tỉnh Lâm Đồng).

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện - ông Nguyễn Ngọc A và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung T1, ông Nguyễn Tài T7, bà Nguyễn Thị H1 và bà Trần Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo tóm tắt tại bản án sơ thẩm và trình bày của người khởi kiện có nội dung như sau:*

Quyết định số 1014/QĐ-XPVPHC ngày 31/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện D căn cứ Biên bản vi phạm hành chính lập ngày 24/3/2022 cho rằng ngày 28/11/2021 ông Ngọc A thực hiện hành vi lấn chiếm đất phi nông nghiệp (đường đi) thuộc bản đồ 21 xã Đ (chiều rộng từ 0,4m đến 0,8m) để xử phạt ông Ngọc A 17.500.000; buộc tháo dỡ là không đúng với các căn cứ như sau:

1. Theo bản đồ 54b ông Ngọc A sử dụng đúng hiện trạng thửa 85 được cấp giấy chứng nhận QSD đất và được ông Nguyễn Trung T1 chuyển nhượng từ năm 2016.

Hàng rào tại vị trí căn nhà của ông Ngọc A được rào từ năm 2017; sau đó ông Ngọc A tiếp tục rào phần còn lại kéo dài tiếp theo của thửa 85. Từ hàng rào năm 2017 và hàng rào mới là thẳng từ giáp đường liên thôn T đến cuối thửa 85, không có đoạn nào cong vòng như Biên bản cắm mốc của UBND xã lập ngày 24/3/2022.

2. Theo thông tin của UBND huyện D cho rằng bản đồ 21 đo đạc chính lý năm 2016, phê duyệt năm 2018. Tuy nhiên, thời điểm trước ngày 07/6/2016 ông T1 là chủ sử dụng đất, được ông T1 xác định "không hề biết" việc đo đạc chính lý bản đồ 21 năm 2016 liên quan đến thửa 85 của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L theo quy định Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT được thực hiện vào lúc nào.

Kể từ ngày 07/6/2016 với tư cách là người quản lý sử dụng đất cũng "*không hề biết*" việc đo đạc chỉnh lý bản đồ 21 năm 2016.

Thời điểm Tòa án thụ lý vụ án Hành chính (tháng 9/2019) cho đến khi Tòa án xét xử ban hành Bản án hành chính số 28/2020/HC-ST ngày 22-9-2020 đều thể hiện ý kiến của người bị kiện UBND huyện D cho rằng việc cấp giấy chứng nhận là đúng; không có tài liệu hoặc ý kiến nào cho rằng thửa 85, bản đồ 54b xã Đ là thửa 85, bản đồ 21 đo đạc năm 2016; UBND xã Đ (*noi có đất*) cũng có ý kiến xác định thửa 85, bản đồ 54b xã Đ; không có tài liệu nào nói rằng "*thửa 85, bản đồ 54b xã Đ là thửa thửa 85, bản đồ 21 đo đạc năm 2016*".

Đối chiếu với thông tin của UBND huyện D bản đồ 54b chỉnh lý thành bản đồ 21 và được phê duyệt năm 2018, trong khi thời điểm năm 2020 khi Tòa án xét xử vụ án hành chính UBND huyện D vẫn xác định "*bản đồ 54b*" là mâu thuẫn.

3. Tại biên bản xem xét, thẩm định ngày 17/4/2020 của TAND tỉnh Lâm Đồng (*trước khi xét xử ban hành Bản án số 28/2020/HC-ST*) thể hiện thửa 1124 có một phần đường đi chứ không hề xác định thửa 85 có một phần đường đi.

4. Việc đo đạc chỉnh lý bản đồ 21 năm 2016 cho dù phê duyệt năm 2018 là không đúng; hiện đã bị khởi kiện và TAND tỉnh Lâm Đồng đã thụ lý theo thủ tục tố tụng hành chính. Do vậy, việc UBND huyện D căn cứ vào bản đồ 21 chỉnh lý năm 2016 để xử phạt hành chính là không đúng.

Do vậy, ngày 06-4-2022, ông Ngọc A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1014/QĐ-XPVPHC ngày 31/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện D về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 16-5-2022, ông Ngọc A có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 1620/QĐ-CCXP ngày 12/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện D về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy Biên bản về việc cấm mốc đường đi đoạn từ giáp nhà bà Lê Thị S thuộc thửa đất số 81, tờ bản đồ 21 đến hết thửa đất số 85 tờ bản đồ 21 đo năm 2016 ngày 24/3/2022 của UBND xã Đ, huyện D.

Ngày 02-11-2022, ông Ngọc A có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án:

Buộc Chủ tịch UBND huyện D bồi thường thiệt hại cộng chung số tiền 5.000.000đ về các khoản:

- Vật liệu xây dựng làm trụ hàng rào (xi măng, cát, sắt) 3.000.000đ;
- Tiền công, thuê máy móc 2.000.000đ.

** Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện D trình bày ý kiến:*

Quá trình ban hành Quyết định số 1014/QĐ-XPVPHC ngày 31/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện D về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Quyết định số 1620/QĐ-CCXP ngày 12/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện D về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 24/3/2022, UBND xã Đ vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC về vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với vi phạm của ông Nguyễn Ngọc A lấn chiếm đất phi nông nghiệp do UBND xã quản lý để chôn trụ bê tông và rào kẽm B40 tại một phần diện tích đất đường đi tại tờ bản đồ số 21 xã Đ, thuộc đoạn từ giáp thửa đất số 81, tờ bản đồ 21 đến hết thửa 79 tờ bản đồ 21 (cạnh thửa đất số 85, 81, 78, 79 tờ bản đồ số 21 xã Đ) với diện tích lấn chiếm 150m².

Hành vi lấn chiếm trên vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 31/3/2022, UBND huyện D ban hành Quyết định 1014/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với vi phạm của ông Nguyễn Ngọc A theo thẩm quyền, theo đó xử phạt ông Nguyễn Ngọc A số tiền 17,5 triệu đồng kèm biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông Nguyễn Ngọc A khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc trả lại đất đã lấn chiếm. Thời gian thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là 15 ngày, kể từ ngày ông nhận được quyết định nhưng ông Nguyễn Ngọc A không chấp hành.

Ngày 12/5/2022, Chủ tịch UBND huyện D ban hành Quyết định số 1620/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 180557 (cấp cho hộ ông Nguyễn Trung T1); số BO 344238 (cấp cho ông Nguyễn Văn T8 và bà Vũ Thị H2); số BI 756339 (cấp cho ông Nguyễn Văn H3 và bà Lâm Thị H4) đã bị TAND tỉnh Lâm Đồng tuyên hủy tại Bản án số 28/2020/HC-ST ngày 22/9/2020; bản án đã có hiệu lực pháp luật. Căn cứ khoản 16 Điều 3 Luật Đất đai “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất*”.

Như vậy, các thửa đất sau khi bị hủy giấy chứng nhận chưa được nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất.

- Trên cơ sở làm việc với tổ chức, cá nhân có liên quan để xác minh, tài liệu thu thập trong quá trình xác minh thể hiện con đường ông Nguyễn Ngọc A khiếu nại được hình thành từ trước năm 1992, có chiều rộng khoảng 3m và được các hộ có đất tại khu vực này đi lại. Căn cứ bản án, quá trình sử dụng đất ổn định của các hộ (có đường đi chung khoảng 3m), căn cứ Điều 100, 101 Luật Đất đai, Điều 21 Nghị định số 43; bản đồ số 21 đo chỉnh lý năm 2016 đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh L duyệt ngày 24/01/2018; các chủ sử dụng đất đã bị hủy giấy chứng nhận theo Bản án 28/2020/HC-ST có quyền và nghĩa vụ thực hiện liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai.

Phần diện tích đất con đường đi chung cũng thể hiện trên tờ bản đồ số 21 xã Đ năm 2016 được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt đưa vào sử dụng ngày 24/01/2018 đã thể hiện đường đi chung với chiều rộng 3m. Tại Bản án số 28/2020/HC-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã xác định: Kết quả đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ (BL 172-175) có con đường thực tế có chiều rộng khoảng 3m, chiều dài từ mặt đường liên thôn đến xuống giáp ranh đất bà L1; đồng thời, các bên có liên quan cũng thừa nhận thực tế có con đường đi chung nên TAND tỉnh Lâm Đồng đã hủy toàn bộ các Giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp trước đây và yêu cầu các hộ: *“Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các chủ sử dụng đất liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng hiện trạng sử dụng theo quy định của pháp luật”*.

Phần diện tích đất con đường đi chung 3m thể hiện trên tờ bản đồ số 21 xã Đ năm 2016 thuộc quyền quản lý của UBND xã Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8 Luật Đất đai năm 2013. Việc ông Nguyễn Ngọc A tự ý lấn chiếm, đào hố, chôn trụ bê tông tại phần đất con đường (từ 0,4m đến 0,8m) là vi phạm quy định của pháp luật về đất đai.

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ, Sửa đổi một số điều của Nghị định 81/2013/NĐ-CP; Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC do UBND xã Đ ngày 31/3/2022 đối với ông Nguyễn Ngọc A. Việc Chủ tịch UBND huyện D ban hành Quyết định số 1014/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với vi phạm của ông Nguyễn Ngọc A với số tiền phạt 17,5 triệu đồng kèm biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông Nguyễn Ngọc A khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc trả lại đất đã lấn chiếm là đúng quy định.

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Việc Chủ tịch UBND huyện D ban hành Quyết định số 1620/QĐ-CCXP ngày 12/5/2022 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định.

Đối với yêu cầu đề nghị Chủ tịch UBND huyện bồi thường thiệt hại số tiền 5.000.000 đồng về các khoản:

- + Vật tư xây dựng làm trụ rào (xi măng, cát, sắt): 3.000.000 đồng;
- + Tiền công, thuê máy móc: 2.000.000 đồng.

UBND huyện D có ý kiến như sau: Phần diện tích đất con đường đi chung 3m thể hiện trên tờ bản đồ số 21 xã Đ năm 2016 thuộc quyền quản lý của UBND xã Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8 Luật Đất đai năm 2013.

Việc ông Nguyễn Ngọc A tự ý lấn chiếm, đào hố, chôn trụ bê tông tại phần đất con đường (diện tích 150m²) được thể hiện trên tờ bản đồ số 21 xã Đ vi phạm quy định của pháp luật về đất đai.

UBND huyện D căn cứ các quy định của pháp luật và Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC do UBND xã Đ ngày 24/3/2022 đối với ông Nguyễn Ngọc A để ban hành Quyết định số 1014/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với vi phạm của ông Nguyễn Ngọc A với số tiền phạt 17.500.000 đồng kèm biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông Nguyễn Ngọc A khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc trả lại đất đã lấn chiếm là đúng quy định.

Ông Nguyễn Ngọc A đã không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên nên UBND huyện D đã tiến hành tổ chức cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm theo quy định pháp luật (Quyết định số 1620/QĐ-CCXP ngày 12/5/2022 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả).

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi bổ sung năm 2020), phần hàng rào và cọc bê tông được xác định là tang vật của việc vi phạm pháp luật về đất đai, không phải là tài sản trên đất thuộc diện bị phá dỡ nên việc ông Nguyễn Ngọc A yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại 5.000.000 đồng là không có cơ sở xem xét giải quyết.

** Người bị kiện UBND xã Đ trình bày ý kiến:*

1. Về quá trình ban hành Biên bản cấm mốc đường đi ngày 24/3/2022 của UBND xã Đ:

- Thực hiện Quyết định số 139/QĐ-CCXP ngày 14/01/2021 của UBND huyện D về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND huyện D về việc thành lập đoàn cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Ngọc A, ngụ tại xã Đ Sau khi đoàn cưỡng chế tổ chức cưỡng chế tháo dỡ trụ bê tông và hàng rào lưới B40 xong, ông Nguyễn Ngọc A đã 2 lần mang cây cà phê khô, trụ bê tông và gạch, đá để trên phần đường đi gây ảnh hưởng đến việc đi lại của bà con nhân dân và để lại đường đi còn chiều rộng khoảng 1,8m đến 2m.

- Thực hiện Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 01/3/2022 của UBND huyện D về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc A (lần hai) "*Giao UBND xã Đ quản lý chặt chẽ diện tích đất giao thông giáp với thửa đất số 82, 525 và thửa đất số 85 tờ bản đồ số 21 do năm 2016, không để tình trạng lấn chiếm, vi phạm pháp luật về đất đai đối với diện tích đất này*". UBND xã đã nhiều lần đề nghị ông Nguyễn Ngọc A di dời số vật dụng nêu trên ra khỏi phần diện tích đường đi đoàn cưỡng chế đã thực hiện nhưng ông Nguyễn Ngọc A không chấp hành. UBND xã đã 2 lần cử lực lượng thực hiện di dời số cây cà phê khô, trụ bê tông và gạch, đá ra khỏi phần diện tích đường đi mà đoàn cưỡng chế đã thực hiện nhằm giữ nguyên hiện trạng con đường và thuận lợi cho việc lưu thông, vận chuyển

hàng hóa của bà con nhân dân phía trong. Nhưng ông vẫn tiếp tục tái phạm lần thứ 3 làm ảnh hưởng đến việc lưu thông, vận chuyển hàng hóa của bà con nhân dân phía trong và gây mất an ninh trật tự. Bên cạnh đó, ông Nguyễn Ngọc A còn có thái độ bất hợp tác, chống đối, xem thường cơ quan chức năng khi thi hành công vụ và xem thường pháp luật.

- Ngày 24/3/2022, UBND xã Đ với các cơ quan, đơn vị có liên quan đã tạm thời chôn 9 trụ bê tông và rào lưới B40 cạnh đường đi nhằm mục đích để ông Nguyễn Ngọc A không đưa các vật dụng lấn ra đường đi chung như: cây cà phê khô, gạch, đá...

2. Đối với ý kiến của người khởi kiện yêu cầu UBND xã Đ Biên bản cấm mốc đường đi ngày 24/3/2022.

UBND xã Đ không đồng ý với lý do: UBND xã Đ xác định đường đi nêu trên có liên quan đến quyền lợi của nhiều hộ dân đang sinh sống, sản xuất ổn định trong khu vực. Vì vậy, việc ông Nguyễn Ngọc A cản trở quá trình đi lại, vận chuyển hàng hóa của nhân dân tại đây gây rất nhiều bức xúc, mất an ninh trật tự dẫn đến tình trạng khiếu kiện kéo dài trong nhiều năm qua, thậm chí đã xảy ra tình trạng cãi vã, xô xát nghiêm trọng. Nhận thấy thái độ, hành vi chống đối, xem thường pháp luật của ông Nguyễn Ngọc A mang tính lặp đi lặp lại và không chuyển biến theo hướng tích cực. Từ những nguyên nhân trên, để đảm bảo giữ vững an ninh, trật tự xã hội trong khu vực, UBND xã không đồng ý hủy Biên bản cấm mốc ngày 24/3/2022 cho đến khi có kết quả giải quyết vụ việc cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị X trình bày ý kiến:*

1. Diện tích đất thửa 1124, bản đồ 54b xã Đ (tương ứng thửa 525, bản đồ 21 chính lý 2016) không thuộc quyền sử dụng (dù chỉ là chiếm hữu canh tác) của vợ chồng bà X và ông A với các lý do như sau:

Nguồn gốc thửa 1124 xuất phát từ thửa 82 của ông T1 đã được cấp giấy chứng nhận; ông Thành lập thủ tục tách thửa 82 thành các thửa 379, 380, sau đó thửa 380 ông chuyển nhượng cho vợ chồng ông H3, bà H4 và đã được đăng ký biến động ngày 15/3/2012.

Thửa 379 được tách thành các thửa 1123, 1124; thửa 1123 ông T1 chuyển nhượng cho vợ chồng ông T8, bà H2 và đã được đăng ký biến động ngày 15/7/2013.

Thửa 1124 ông T1 chuyển nhượng cho vợ chồng bà T3, ông T7 vào năm 2016 chưa đăng ký biến động (lý do bị khiếu nại, cơ quan có thẩm quyền chưa xem xét đăng ký biến động). Nội dung này cũng được Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2020/HC-ST ngày 22/9/2020 ghi nhận.

Ngày 06/6/2021, vợ chồng bà T3, ông T7 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị H1 và hiện nay bà H1 là người chiếm hữu sử dụng chứ không phải ông Ngọc A.

2. Việc ông Ngọc A dựng hàng rào thửa 1124 là thực hiện theo yêu cầu của bà H1 mua vật tư để rào, không liên quan đến kinh tế chung vợ chồng bà X và ông A. Tuy nhiên, UBND xã Đ, UBND huyện D không xác minh chủ sử dụng đất cũ như ông T1, vợ chồng bà T3, ông T7 và cứ cho rằng là của vợ chồng ông Ngọc A, dẫn đến một số văn bản gắn tên ông Ngọc A vào là không đúng.

3. Vụ việc hành chính nêu trên không liên quan đến quyền lợi hoặc liên quan đến nghĩa vụ của bản thân bà X nên đề nghị Tòa án không đưa bà X tham gia tố tụng với tư cách người liên quan.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung T1 trình bày ý kiến:*

Ông T1 xác định diện tích đất các thửa 82, 85, tờ bản đồ 54b xã Đinh Lạc thuộc QSD của ông T1 đã được Giấy chứng nhận số AA 180557 ngày 01/10/2004. Quá trình sử dụng có sự biến động (tách thửa chuyển nhượng) đối với thửa 82, cụ thể như sau:

- Thửa 82 ông Thành lập thủ tục tách thành các thửa 379, 380, sau đó thửa 380 ông T1 nhượng cho vợ chồng ông H3, bà H4 và đã được đăng ký biến động ngày 15/3/2012.

- Thửa 379 tiếp tục tách thành các thửa 1123, 1124, sau đó thửa 1123 ông T1 chuyển nhượng cho vợ chồng ông T8, bà H2 và đã được đăng ký biến động ngày 15/7/2013.

- Thửa 1124 ông T1 chuyển nhượng cho vợ chồng bà T3, ông T7 vào năm 2016 chưa đăng ký biến động (lý do bị khiếu nại, Cơ quan có thẩm quyền chưa xem xét đăng ký biến động). Nội dung này cũng được Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2020/HC-ST ngày 22/9/2020 ghi nhận. Hiện nay ông T1 được biết (thông qua tìm hiểu vợ chồng ông T7) được biết vợ chồng bà T3, ông T7 đã chuyển nhượng cho bà H1 và hiện nay bà H1 trực tiếp quản lý canh tác sử dụng.

Về đường đi giữa thửa 1124 với thửa 85: Như trên đã trình bày các thửa 82, 85 đều thuộc QSD của ông T1 và đã được Giấy chứng nhận. Ngoài ra, như đã trình bày chiều rộng thửa 1124 (đến giáp thửa 85) có chiều rộng 16,8m (dư so với kết quả tách thửa là 1,8m).

Theo Biên bản xem xét, thẩm định ngày 17/4/2020 (lưu giữ trong vụ án hành chính và được giải quyết tại Bản án số 28/2020/HC-ST ngày 22/9/2020 của TAND tỉnh Lâm Đồng), ông T1 đã trình bày *"giữa thửa 1124 với thửa 85 có đường đi rộng 1,5m chứ không phải 3m như bà L1 trình bày"*. Căn cứ kết quả đo đạc ngày 30/6/2020 (Lãnh đạo Văn phòng đăng ký đất chi nhánh D ký ngày 05/8/2020) thể hiện *"giữa thửa 1124 với thửa 85 có đường đi rộng 2m"*.

Về đường đi theo bản đồ 21 chỉnh lý năm 2016: Do không biết thời điểm đo đạc chỉnh lý vào tháng nào của năm 2016. Tuy nhiên, ông T1 có ý kiến như sau:

- Nếu bản đồ 21 chỉnh lý năm 2016 liên quan thửa 525 (thửa 1124 bản đồ 54b cũ) được thực hiện trước tháng 9/2016 thì ông T1 là chủ sử dụng đất không

hề biết việc đo đạc chỉnh lý; không ký vào "*Biên bản mô tả xác định ranh giới, mốc giới thửa đất tại thực địa*", theo phụ lục 11 ban hành kèm theo 25/2014/TT-BTNMT; không ký vào "*Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất*" phụ lục 12 ban hành kèm theo 25/2014/TT-BTNMT.

- Nếu bản đồ 21 chỉnh lý năm 2016 liên quan thửa 525 (thửa 1124 bản đồ 54b cũ) được thực hiện sau tháng 9/2016 thì chủ sử dụng đất là ông T7, bà T3 với lý do ông T1 đã chuyển nhượng.

Trường hợp do ông T1 vẫn đứng tên là chủ sử dụng (*do chưa đăng ký biên động*) thì ông T1 cũng không biết và không ký vào "*Biên bản mô tả xác định ranh giới, mốc giới thửa đất tại thực địa*", theo phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT; không ký vào "*Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất*" theo phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT.

Việc cơ quan nhà nước UBND xã Đ; UBND huyện D thực hiện hành vi hành chính; ban hành các quyết định hành chính và nay ông Nguyễn Ngọc A khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phú T4, bà Trần Thị C trình bày:*

Quyết định số 1014/QĐ-XPVPHC ngày 21/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện D xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Ngọc A nên ông Ngọc A khởi kiện hành chính và được quý Tòa thụ lý theo thủ tục chung.

Theo nội dung của Quyết định 1014/QĐ-XPVPHC không có nội dung nào liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của vợ chồng anh T7, chị T3 và nay ông bà kế thừa quyền và nghĩa vụ chị T3. Bởi Quyết định này cho rằng, ông Ngọc A có hành vi "vi phạm hành chính lấn, chiếm đất phi nông nghiệp (do UB xã Đ quản lý), với diện tích 150m² tại bản đồ 21 xã Đ (thuộc đoạn từ giáp thửa 81 bản đồ 21 đến hết thửa 79 bản đồ 21 cạnh các thửa 85,81,79,79 bản đồ số 21 xã Đ)"; không có dòng nào, đoạn nào cho rằng liên quan thửa 525 mà vợ chồng anh T7, chị T3 chuyển nhượng cho bà H1 và nay ông bà kế thừa.

Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện D cưỡng chế thi hành Quyết định 1014/QĐ-XPVPHC "tháo dỡ các công trình (trụ bê tông, lưới thép B40 rào phần đất lấn chiếm chiều dài tương ứng 150m) trên phần đất lấn chiếm; khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc trả lại đất đã lấn chiếm" cũng không có dòng nào, đoạn nào cho rằng liên quan thửa 525 mà vợ chồng anh T7, chị T3 chuyển nhượng cho bà H1 và nay ông bà kế thừa.

Biên bản cắm mốc (hành vi hành chính) ngày 24/3/2022 của UBND xã Đ cũng không có dòng nào, đoạn nào cho rằng liên quan thửa 525 mà vợ chồng anh T7, chị T3 chuyển nhượng cho bà H1 và nay ông bà kế thừa.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Tài T7 thống nhất trình bày của ông Nguyễn Ngọc A.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S1; bà Lê Thị S, ông Lê Văn T2; bà Sơn Thế L, ông Nguyễn Văn B; bà Võ Thị Kim L1 không có văn bản trình bày gửi cho Tòa án.*

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo thủ tục chung. Không tổ chức đối thoại được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc A vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện như trên.

Luật sư Huỳnh T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Ngọc A nêu quan điểm cho rằng về trình tự thủ tục, thẩm quyền chủ tịch UBND huyện D ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế đối với ông Nguyễn Ngọc A là đúng quy định. Tuy nhiên, về nội dung thì không đúng, cụ thể:

Bản án số 28/2020/HC-ST ngày 22/9/2020 của TAND tỉnh Lâm Đồng đã có hiệu lực pháp luật không nêu con đường có chiều rộng bao nhiêu mét; phần chỉnh lý bản đồ 54b cũ nay là bản đồ 21 chỉnh lý năm 2016 liên quan đến thửa 1124 bản đồ 54b nay là thửa 525 bản đồ 21 và thửa 85 bản đồ 54b nay là thửa 85 bản đồ 21 xã Đ đã bị hủy theo Bản án số 93/2024/HC-PT ngày 31-01-2024 của TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, về nguyên tắc bản đồ 54b có hiệu lực và theo bản đồ 54b thể hiện đường đi có chiều rộng là 2 mét. Do đó, việc Chủ tịch UBND nhân huyện D ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế đối với ông Nguyễn Ngọc A là không đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc A.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2024/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm đ khoản 1 Điều 123, khoản 1 Điều 143,; Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 164; khoản 2 Điều 165; Điều 191; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348; Điều 358; Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính;

- Căn cứ Luật đất đai 2013; căn cứ điểm a khoản 4, Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19-11-2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực đất đai.

- Căn cứ Luật tổ Chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

- Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; được sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2017 và năm 2020; Nghị định 118/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính;

- Căn cứ Luật khiếu nại năm 2011;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc A về việc yêu cầu Toà án:

+ Hủy Quyết định số 1014/QĐ-XPVPHC ngày 31/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện D về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

+ Hủy Quyết định số 1620/QĐ-CCXP ngày 12/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện D về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

+ Buộc Chủ tịch UBND huyện D bồi thường thiệt hại cộng chung 5.000.000đ về các khoản:

- Vật liệu xây dựng làm trụ hàng rào (xi măng, cát, sắt) 3.000.000đ

- Tiền công, thuê máy móc 2.000.000đ.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc A yêu cầu Toà án hủy Biên bản về việc cấm mốc đường đi đoạn từ giáp nhà bà Lê Thị S thuộc thửa đất số 81, tờ bản đồ 21 đến hết thửa đất số 85 tờ bản đồ 21 đo năm 2016 ngày 24/3/2022 của UBND xã Đ, huyện D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09/09/2024, người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Ngày 09/09/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Ngày 09/09/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 09/09/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tài T7 và bà Nguyễn Thị H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ông T7 và bà H1 cho rằng ông bà không phải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, ông Vũ Thành N trình bày: Căn cứ tọa độ đo đạc hiện trạng thửa đất của ông T1 là chủ cũ, giữa các thửa đất hoàn toàn không có đường đi, điều này phù hợp với thông tư 25 là không cập nhật trên bản đồ địa chính về con đường giữa các thửa đất. Ủy ban nhân dân huyện D và Ủy ban nhân dân xã N cho rằng con đường có chiều rộng 3 mét là không đúng. Việc ông A sau khi sang nhượng đất và một phần đất của bà H1 là mẹ ông, việc ông A làm bị cho rằng xâm phạm nhưng thực tế là không có căn cứ pháp lý. Bà L1 và bà S trình bày rằng đây là con đường đi chung, nhưng thực tế chỉ có 1

hộ ở sau cùng sử dụng chứ không có đến 5 hộ, không xâm phạm đến diện tích mặt đường. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị S và bà Võ Thị Kim L1 trình bày: Chúng tôi sống tại đó từ những năm 1980, ở đó có 5 hộ, sau khi mua bán có thể đổi tên nhưng các hộ dân vẫn sử dụng. Đường được sử dụng liên tục từ năm 1984 đến nay, chúng tôi không đồng ý với yêu cầu của người kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của những người kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, xét thấy bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Tại các biên bản xác minh hiện trạng, lấy ý kiến của dân cư thì các hộ dân đã sinh sống từ trước năm 1989 và xác nhận con đường được dùng từ năm 1984 đến nay. Có cơ sở xác định hành vi lấn chiếm của ông A đã vi phạm. Mức phạt từ 10-20 triệu đồng đối với diện tích cụ thể, trường hợp ông A bị lập quyết định xử phạt và cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của những người kháng cáo, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 67/2024/HC-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Viện kiểm sát, của người khởi kiện, người bị kiện, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về hình thức đơn kháng cáo của người khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Ngọc A kháng cáo bản án số 67/2024/HC-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo bản án số 67/2024/HC-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng gồm: Bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Trung T1, ông Nguyễn Tài T7, bà Trần Thị X.

Đối chiếu với bản án sơ thẩm đã xét xử thì thấy:

[1] Về đối tượng khởi kiện: cấp sơ thẩm xác định đúng đối tượng khởi kiện trong vụ án này là:

- Văn bản số 132/UBND ngày 04-5-2021 của UBND xã Đ

- Thông báo số 36/TB-UBND ngày 24-8-2021 của UBND xã Đ
- Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 17-12-2021 của Chủ tịch UBND xã Đ về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Nguyễn Ngọc A
- Quyết định số 4317/QĐ-XPVPHC ngày 29-12-2021 của UBND huyện D về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai
- Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 01-03-2022 của Chủ tịch UBND huyện D về việc giải quyết khiếu nại (lần 2)
- Quyết định số 139/QĐ-CCXP ngày 14-01-2022 của Chủ tịch UBND huyện D về việc cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 116 Luật tố tụng hành chính, cấp sơ thẩm xác định còn thời hiệu là có căn cứ.

[3] Xét tính hợp pháp và thẩm quyền ban hành các văn bản nêu trên thì thấy đúng thẩm quyền.

[4] Xét nội dung: Căn cứ vào đơn đề nghị của bà Võ Thị Kim L1, ngày 29-10-2020, UBND xã Đ đã lập biên bản kiểm tra ghi nhận ông Nguyễn Ngọc A đã chôn 04 trụ rào bằng bê tông ra phần hiện trạng đường đi, cách mép đường hiện trạng 0,4m đến 0,6m. Đến ngày 23 và 24/8/2021 ông Nguyễn Ngọc A và vợ là bà Trần Thị X tiếp tục chôn trụ bê tông trên phần đường đi chung của các hộ dân. Việc rào đất không được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Tuy nhiên, ông Nguyễn Ngọc A cũng không cung cấp được các tài liệu chứng minh quyền sử dụng đất đối với phần đất chôn các trụ bê tông.

Xét chiều rộng của lối đi tại các biên bản xác minh hiện trạng, phiếu lấy ý kiến khu dân cư tại thời điểm lịch sử hình thành đường đi, ý kiến của các chủ sử dụng đất trước khi sang nhượng cho bà Võ Thị Kim L1, ông Nguyễn Trung T1, ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Lệ T3 thì đa số các hộ dân sinh sống từ trước năm 1989 tại khu vực gần vị trí đất tranh chấp đều cho rằng con đường được hình thành từ năm 1984 và có chiều rộng trên 3m. Việc Ủy ban nhân dân xã Đ ghi nhận tại giữa ranh đất thửa 82 và thửa 85, tờ bản đồ số 54b có con đường đất rộng 3m là phù hợp với hiện trạng đường đi thực tế, giữa các bên lấy hàng cà phê cây mít làm ranh giới đường đi. Riêng phần đất của ông Nguyễn Trung T1 đã sang nhượng cho bà Nguyễn Thị Lệ T3 tiếp giáp đường liên thôn tới đất ông Lê Văn T2, phần đường 3m được xác định từ hàng rào nhà ông Nguyễn Ngọc A tới giáp đất ông T1.

Mặt khác, tại bản án số 28/2020/HC-ST ngày 22-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã tuyên xử: hủy giấy chứng nhận QSDĐ số AA180557 ngày 01/10/2004 do UBND huyện D cấp cho hộ ông Nguyễn Trung T1; hủy giấy chứng nhận QSDĐ số BO 344238 ngày 23/7/2013 do UBND huyện D cấp cho ông Nguyễn Văn T8, bà Vũ Thị H2 đã đăng ký biến động sang tên cho ông Nguyễn Văn H3 bà Lâm Thị H4 ngày 09/02/2017; hủy giấy chứng nhận QSDĐ số BI 756339 ngày 26/3/2012 do UBND huyện D cấp cho. Nguyễn Văn H3 bà Lâm Thị H4. Do đó, việc ông Nguyễn Ngọc A sử dụng thửa đất 85, tờ bản đồ số 5b xã Đ

trong đó có phần diện tích thuộc lối đi nằm giữa thửa đất 82 và thửa đất 85 hiện nay chưa được cấp giấy chứng quyền sử dụng đất.

Do ông Nguyễn Ngọc A đã có hành vi lấn chiếm đất công, cụ thể là lối đi chung của các chủ thể sử dụng đất trong khu vực nên UBND xã Đinh Lạc ban hành văn bản số 132/UBND về việc trả lời đơn giải quyết đường đi của bà Võ Thị Kim L1 với nội dung UBND xã Đ xác định phần đường đi do UBND xã quản lý có ranh tiếp giáp với hàng cà phê mít và gốc cây cà phê mít sang phần đường hiện hữu rộng 3m là hoàn toàn phù hợp với quy định về hoạt động quản lý đất công tại địa phương và quyền lợi của các hộ dân sử dụng đường đi này.

[5] Nhận định của Tòa án: Xét thấy, cấp sơ thẩm xét xử phù hợp theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa phúc thẩm phía người khởi kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo không đưa ra được những tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của họ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vị đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo của người khởi kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về việc thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc A

Không chấp nhận đơn kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà: Nguyễn Thị H1, Nguyễn Trung T1, Nguyễn Tài T7, Trần Thị X.

1. Giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 68/2024/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Buộc các ông bà Nguyễn Ngọc A, Trần Thị X, Nguyễn Tài T7 mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009047 ngày 23/9/2024; 0009048 ngày 23/9/2024; 0009503 ngày 30/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng).

Miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm đối với ông Nguyễn Trung T1 và bà Nguyễn Thị H1 vì là người cao tuổi.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 22 tháng 9 năm 2025).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VCTVKSXXPT tại TP Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Lâm Đồng (1);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (1);
- THADS tỉnh Lâm Đồng (1);
- Người khởi kiện (1);
- Người bị kiện (2);
- NCQLNVLQ (11);
- Lưu hồ sơ (2), VP (6), 26b. (LMA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Văn Yên